



**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành
viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**

**Báo cáo tài chính giữa niên độ cho
kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019**



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thông tin về Công ty

**Giấy phép Thành lập và
Hoạt động số**

53/GP-UBCK
15/GPDC-UBCK
47/GPĐC-UBCK

ngày 10 tháng 2 năm 2014
ngày 14 tháng 7 năm 2015
ngày 11 tháng 7 năm 2018

Giấy phép Thành lập và Hoạt động đầu tiên và các giấy phép
điều chỉnh do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam cấp.

Hội đồng Thành viên

Ông Takashi Fujii
Ông Seigo Fujimaru

Chủ tịch
Thành viên
(từ ngày 22 tháng 3 năm 2019)

Ông Yotaro Numata

Thành viên
(đến ngày 21 tháng 3 năm 2019)

Ông Shigeo Tsuyuki
Ông Trần Châu Danh
Ông Trần Đình Quân

Thành viên
Thành viên
Thành viên

Tổng Giám đốc

Ông Trần Châu Danh

Người đại diện theo pháp luật

Ông Trần Châu Danh

Trụ sở đăng ký

Tầng 11, 149-151, Nguyễn Văn Trỗi
Phường 11, Quận Phú Nhuận
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Báo cáo của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 41 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

Tại ngày lập báo cáo này, Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2019



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Ngho Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi Chủ sở hữu

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 8 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 41.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ của chúng tôi bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng, báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành và hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Các báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 lần lượt được kiểm toán và soát xét bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần và kết luận chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán phát hành ngày 29 tháng 3 năm 2019 và báo cáo soát xét phát hành ngày 6 tháng 8 năm 2018.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam
Báo cáo soát xét số: 19-01-00139-19-1



Chong Kwang Puay
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0884-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Trương Vĩnh Phúc
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 1901-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2019

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	31/12/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 150)	100		74.554.709.275	69.320.699.502
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.280.868.915	122.272.140
Tiền	111		1.280.868.915	122.272.140
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		64.000.000.000	56.900.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	64.000.000.000	56.900.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.749.211.292	11.308.175.024
Trả trước cho người bán	132		-	90.015.000
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	6	5.922.911.839	6.528.595.550
Phải thu ngắn hạn khác	135	7	2.826.299.453	4.689.564.474
Tài sản ngắn hạn khác	150		524.629.068	990.252.338
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8(a)	524.629.068	990.252.338
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		6.935.521.225	7.725.554.451
Các khoản phải thu dài hạn	210		255.000.000	606.500.000
Phải thu dài hạn khác	218	9	255.000.000	606.500.000
Tài sản cố định	220		2.365.008.176	2.905.182.553
Tài sản cố định hữu hình	221	10	458.185.406	578.718.593
Nguyên giá	222		1.118.777.000	1.118.777.000
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(660.591.594)	(540.058.407)
Tài sản cố định vô hình	227	11	1.906.822.770	2.326.463.960
Nguyên giá	228		4.501.858.148	4.501.858.148
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.595.035.378)	(2.175.394.188)
Tài sản dở dang dài hạn	240		3.501.503.644	3.330.015.737
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	3.501.503.644	3.330.015.737
Tài sản dài hạn khác	260		814.009.405	883.856.161
Chi phí trả trước dài hạn	261	8(b)	720.513.020	651.195.348
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	93.496.385	232.660.813
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		81.490.230.500	77.046.253.953

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B01a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	31/12/2018 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		4.083.557.963	6.743.439.184
Nợ ngắn hạn	310		3.576.057.965	6.308.439.184
Phải trả người bán ngắn hạn	311		-	647.766.842
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	1.072.160.691	1.445.406.896
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	2.485.328.926	4.018.016.064
Phải trả ngắn hạn khác	319		18.568.348	197.249.382
Nợ dài hạn	330		507.499.998	435.000.000
Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359	16	507.499.998	435.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		77.406.672.537	70.302.814.769
Vốn chủ sở hữu	410	17	77.406.672.537	70.302.814.769
Vốn góp	411	18	25.000.000.000	25.000.000.000
Quỹ dự phòng tài chính	418		2.276.218.979	2.276.218.979
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	419		2.276.218.979	2.276.218.979
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		47.854.234.579	40.750.376.811
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		81.490.230.500	77.046.253.953

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

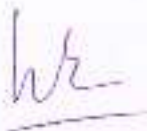
Mẫu B01a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	31/12/2018 VND
Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030	20	7.139.780.071	7.846.510.442
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		7.139.780.071	7.846.510.442
Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	21	149.438.476.735	144.455.865.174
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041		149.438.476.735	144.455.865.174
Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050	22	503.749.725	524.244.425
Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051	23	5.824.839.525	7.547.822.100

Ngày 12 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
Kế toán tổng hợp
kiêm Kế toán trưởng

Người duyệt:



Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
Kế toán trưởng



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B02a - CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	10	24	19.983.348.333	18.700.158.297
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	2.222.956.517	1.675.096.987
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	26	13.079.683.809	11.044.878.818
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 10 + 21 - 25)	30		9.126.621.041	9.330.376.466
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30)	50		9.126.621.041	9.330.376.466
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	1.883.598.845	1.866.075.293
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	27	139.164.428	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		7.103.857.768	7.464.301.173

Ngày 12 tháng 8 năm 2019

Người lập:

Người duyệt:

hr

hr

Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
 Kế toán tổng hợp
 kiêm Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
 Kế toán trưởng



Ông Trần Châu Danh
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

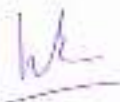
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B03a – CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	9.126.621.041	9.330.376.466
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	540.174.377	711.839.484
Các khoản dự phòng	03	72.499.998	72.499.998
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.222.833.359)	(1.675.096.987)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	7.516.462.057	8.439.618.961
Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	1.157.597.382	(2.534.561.575)
Giảm các khoản phải trả	11	(1.695.600.629)	(1.162.903.237)
Giảm chi phí trả trước	12	396.305.598	191.476.179
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.272.612.593)	(2.017.272.643)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	5.102.151.815	2.916.357.685
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(819.254.749)	(2.356.583.023)
Tiền chi cho gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(52.000.000.000)	(18.200.000.000)
Tiền thu từ tiền gửi có kỳ hạn	24	44.900.000.000	19.500.000.000
Tiền thu từ lãi tiền gửi	27	3.975.699.709	1.249.565.725
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.943.555.040)	192.982.702
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30)	50	1.158.596.775	3.109.340.387
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	122.272.140	95.280.517
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 4)	70	1.280.868.915	3.204.620.904

Ngày 12 tháng 8 năm 2019

Người lập:




Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
 Kế toán tổng hợp
 kiêm Kế toán trưởng



Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
 Kế toán trưởng

Người duyệt:




 Ông Trần Châu Đanh
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019**

Mẫu B09a – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam (“Công ty”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 53/GP-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam cấp. Giấy phép thành lập và hoạt động đã được điều chỉnh và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 47/GPĐC-UBCK ngày 11 tháng 7 năm 2018.

Tổng vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động là 25.000 triệu VND.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý các danh mục đầu tư ủy thác và tư vấn đầu tư chứng khoán tại Việt Nam.

(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty có 17 nhân viên (31/12/2018: 16 nhân viên) trong đó có 13 nhân viên đã được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ và tài sản (31/12/2018: 13 nhân viên).

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

Mẫu B09a – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Các chính sách kế toán và các quy định pháp lý có liên quan này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính giữa niên độ này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam áp dụng cho các công ty quản lý quỹ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

(e) Hình thức sổ kế toán

Công ty sử dụng phần mềm kế toán để ghi sổ các giao dịch phát sinh và hình thức sổ kế toán là nhật ký sổ cái.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn ban đầu không quá ba tháng và không có rủi ro đáng kể trong việc chuyển đổi thành tiền. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chỉ tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành (“Thông tư 228”), dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa trên dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết hoặc dựa trên tình trạng quá hạn của các khoản phải thu với tỉ lệ trích lập dự phòng như sau:

Thời gian quá hạn	Tỷ lệ trích lập dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

Tăng/giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán là chi phí/thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ, ngoại trừ trường hợp dự phòng phải thu khó đòi được sử dụng để xóa sổ các khoản nợ đã được trích lập dự phòng và không có khả năng thu hồi. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các khoản phải thu này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- chi phí nâng cấp vận phòng 4 năm
- thiết bị, dụng cụ quản lý 3 – 5 năm

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

(g) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí cho hệ thống phần mềm chưa được lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình lắp đặt.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Điều 3, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Giá trị còn lại của các tài sản này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ trên 1 đến 3 năm.

(ii) Chi phí khác

Chi phí khác bao gồm chi phí nâng cấp thiết bị, chi phí thiết kế và chi phí khác được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng thời gian từ 2 đến 4 năm.

(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư

Theo Thông tư số 212/2012/TT-BTC ngày 5 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính ("Thông tư 212") và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ("Thông tư 146") ngày 6 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, công ty quản lý quỹ phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp hoặc trích lập quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư. Công ty đang thực hiện trích lập quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư theo chính sách nội bộ tại văn bản phê duyệt số IC/2017/015 ngày 29 tháng 12 năm 2017.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Vốn góp

Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

(n) Các quỹ dự trữ bắt buộc

Theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài Chính ban hành về hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, Công ty phải trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận sau thuế:

	Số trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

Mẫu B09a - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty theo quyết định của chủ sở hữu.

Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, của tổ chức bảo hiểm.

Quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

(o) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(p) Hợp đồng ủy thác đầu tư

Công ty nhận tiền từ khách hàng và sử dụng số tiền này đầu tư vào chứng khoán thay cho khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng ủy thác đầu tư. Khoản đầu tư vào chứng khoán thay cho khách hàng theo hợp đồng ủy thác đầu tư và các tài sản và nợ phải trả liên quan đến các hợp đồng này được ghi nhận trong mục các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ.

(q) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Phí quản lý danh mục đầu tư và phí quản lý quỹ đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi các dịch vụ được cung cấp cho khách hàng theo các điều kiện và điều khoản của các hợp đồng được ký với các khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(s) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới chủ sở hữu, công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con, các công ty liên kết của các công ty này. Các bên liên quan cũng bao gồm các quỹ do Công ty quản lý.

(t) Số dư bằng không

Các khoản mục hay các số dư quy định trong Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam nếu không được thể hiện trên báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2019 VND	31/12/2018 VND
Tiền gửi Ngân hàng		
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	1.196.132.314	37.565.047
▪ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	84.736.601	84.707.093
	1.280.868.915	122.272.140

5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba tháng và thời gian đáo hạn còn lại không quá một năm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và hưởng lãi suất năm từ 6,4% đến 7,5% (31/12/2018: từ 6,4% đến 7,0%)

6. Phải thu hoạt động nghiệp vụ

	30/6/2019 VND	31/12/2018 VND
Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư từ Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam ("DI.VN") – công ty mẹ (i)	5.824.839.525	6.528.595.550
Phải thu phí quản lý quỹ từ Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN – CAF ("DFVN – CAF") (ii)	98.072.314	-
	5.922.911.839	6.528.595.550

(i) Khoản phải thu phí quản lý danh mục đầu tư từ công ty mẹ không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 15 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn. Công ty có quyền lĩnh lãi cho khoản chậm thanh toán với lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

(ii) Khoản phải thu hoạt động quản lý quỹ từ Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN – CAF không được đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2019 VND	31/12/2018 VND
Lãi phải thu từ tiền gửi ngân hàng	2.082.193.153	3.835.059.503
Tạm ứng cho người lao động (i)	733.500.000	846.000.000
Cầm cố, ký cược và phải thu ngắn hạn khác (ii)	10.606.300	8.504.971
	2.826.299.453	4.689.564.474

- (i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, khoản ứng trước tiền lương cho người lao động có kỳ hạn còn lại không quá một năm, trong đó các khoản ứng trước có kỳ hạn còn lại dưới ba tháng là 211.500.000 VND.
- (ii) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, khoản phải thu ngắn hạn khác có kỳ hạn còn lại không quá một năm, trong đó các khoản phải thu có kỳ hạn còn lại dưới ba tháng là 2.606.300 VND.

8. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2019 VND	31/12/2018 VND
Phí bảo trì phần mềm	260.556.917	781.670.759
Phí truy cập dữ liệu	185.131.651	184.381.579
Chi phí khác	78.940.500	24.200.000
	524.629.068	990.252.338

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Số dư đầu kỳ	Tăng trong kỳ VND	Phân bổ trong kỳ VND	Số dư cuối kỳ VND
Công cụ và dụng cụ	376.435.065	-	(120.308.234)	256.126.831
Chi phí khác	274.760.283	265.425.900	(75.799.994)	464.386.189
	651.195.348	265.425.900	(196.108.228)	720.513.020

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

9. Phải thu dài hạn khác

	30/6/2019 VND	31/12/2018 VND
Tạm ứng cho người lao động	250.000.000	601.500.000
Phải thu dài hạn khác	5.000.000	5.000.000
	255.000.000	606.500.000

10. Tài sản cố định hữu hình

	Chi phí nâng cấp văn phòng VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ/cuối kỳ	228.519.500	890.257.500	1.118.777.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	23.804.115	516.254.292	540.058.407
Khấu hao trong kỳ	28.564.937	91.968.250	120.533.187
Số dư cuối kỳ	52.369.052	608.222.542	660.591.594
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	204.715.385	374.003.208	578.718.593
Số dư cuối kỳ	176.150.448	282.034.958	458.185.406

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ/cuối kỳ	4.501.858.148
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	2.175.394.188
Khấu hao trong kỳ	419.641.190
Số dư cuối kỳ	2.595.035.378
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	2.326.463.960
Số dư cuối kỳ	1.906.822.770

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 có các tài sản có nguyên giá 417.200.000 VND (31/12/2018: 417.200.000 VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Số dư đầu kỳ	3.330.015.737
Tăng trong kỳ	171.487.907
Số dư cuối kỳ	3.501.503.644

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh chi phí nâng cấp phần mềm Portia phục vụ cho hoạt động quản lý đầu tư của Công ty.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	30/6/2019 VND	31/12/2018 VND
<i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận:</i>			
Chi phí phải trả	20%	93.496.385	145.660.813
Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	20%	-	87.000.000
		<u>93.496.385</u>	<u>232.660.813</u>

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2019 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2019 VND
Thuế thu nhập cá nhân	72.794.301	1.568.360.590	(1.552.593.047)	88.561.844
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.372.612.595	1.883.598.845	(2.272.612.593)	983.598.847
Thuế khác	-	75.612.292	(75.612.292)	-
	<u>1.445.406.896</u>	<u>3.527.571.727</u>	<u>(3.900.817.932)</u>	<u>1.072.160.691</u>

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2019 VND	31/12/2018 VND
Lương tháng 13 và tiền thưởng cho nhân viên	2.017.847.000	3.289.712.000
Chi phí khác	467.481.926	728.304.064
	<u>2.485.328.926</u>	<u>4.018.016.064</u>

16. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư

Biến động quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
Số dư đầu kỳ	435.000.000	290.000.000
Trích lập dự phòng trong kỳ	72.499.998	72.499.998
	<u>507.499.998</u>	<u>362.499.998</u>

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

17. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn góp VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	25.000.000.000	2.276.218.979	2.276.218.979	40.750.376.811	70.302.814.769
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	7.103.857.768	7.103.857.768
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	25.000.000.000	2.276.218.979	2.276.218.979	47.854.234.579	77.406.672.537
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	25.000.000.000	1.527.041.154	1.527.041.154	27.265.175.969	55.319.258.277
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	7.464.301.173	7.464.301.173
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	25.000.000.000	1.527.041.154	1.527.041.154	34.729.477.142	62.783.559.450

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

18. Vốn góp

Vốn điều lệ được duyệt và đã góp của Công ty là:

	Tại ngày 30/6/2019 và 31/12/2018	
	Được duyệt và đã góp	
	VND	%
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam (“DLVN”)	25.000.000.000	100%

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam, công ty mẹ, được thành lập tại Việt Nam.

19. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2019	31/12/2018
	VND	VND
Trong vòng một năm	575.584.000	570.084.000
Trong vòng hai đến năm năm	1.306.442.500	1.591.484.500
	1.882.026.500	2.161.568.500

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

20. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác

Bao gồm trong tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác có các khoản tiền gửi ngân hàng của các nhà đầu tư ủy thác sau:

	30/6/2019	31/12/2018
	VND	VND
Nhà đầu tư ủy thác trong nước		
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam	7.139.780.071	7.846.510.442

Biến động tiền gửi ngân hàng của các nhà đầu tư ủy thác trong kỳ/năm như sau:

	Kỳ sáu tháng	Năm kết
	kết thúc ngày	thức ngày
	30/6/2019	31/12/2018
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	7.846.510.442	2.094.011.835
Tăng trong kỳ	89.575.745.676	284.378.548.157
<i>Nhận tiền từ bán chứng khoán</i>	<i>57.642.320.624</i>	<i>230.183.397.115</i>
<i>Nhận tiền từ thanh lý hợp đồng tiền gửi</i>	<i>23.600.000.000</i>	<i>42.980.000.000</i>
<i>Cổ tức nhận được</i>	<i>1.100.196.752</i>	<i>2.003.946.894</i>
<i>Lãi trái phiếu nhận được</i>	<i>2.782.000.000</i>	<i>2.782.000.000</i>
<i>Lãi tiền gửi nhận được</i>	<i>1.477.643.835</i>	<i>2.878.592.197</i>
<i>Tăng vốn từ nhà đầu tư ủy thác</i>	<i>2.973.584.465</i>	<i>3.550.611.951</i>
Giảm trong kỳ	(90.282.476.047)	(278.626.049.550)
<i>Chi cho hợp đồng tiền gửi</i>	<i>(26.740.000.000)</i>	<i>(31.900.000.000)</i>
<i>Chi mua chứng khoán</i>	<i>(60.780.730.542)</i>	<i>(226.801.940.399)</i>
<i>Rút vốn của nhà đầu tư ủy thác</i>	<i>(2.250.000.000)</i>	<i>(18.800.000.000)</i>
<i>Phí lưu ký</i>	<i>(499.669.265)</i>	<i>(1.102.725.151)</i>
<i>Phí ngân hàng</i>	<i>(12.076.240)</i>	<i>(21.384.000)</i>
Số dư cuối kỳ	7.139.780.071	7.846.510.442

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

21. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác

	30/6/2019	31/12/2018
	VND	VND
Nhà đầu tư ủy thác trong nước		
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam		
▪ Cổ phiếu niêm yết (*)	82.705.611.935	80.863.000.374
<i>Trong đó:</i>		
- Cổ phiếu niêm yết bị giảm giá	34.753.541.042	53.735.996.761
▪ Trái phiếu Chính phủ	36.692.864.800	36.692.864.800
▪ Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và		
▪ Phát triển Việt Nam	24.190.000.000	26.100.000.000
▪ Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Á Châu	5.000.000.000	-
▪ Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương		
Việt Nam	850.000.000	800.000.000
	149.438.476.735	144.455.865.174

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
 ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(*) Chi tiết danh mục cổ phiếu niêm yết năm giữ hộ nhà đầu tư ủy thác như sau:

Mã	Cổ phiếu niêm yết	30/6/2019			31/12/2018		
		Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị thị trường VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị thị trường VND
VCB	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	120.000	5.917.152.320	8.460.000.000	110.000	5.172.658.994	5.885.000.000
VNM	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	45.000	5.511.631.031	5.535.000.000	52.000	6.244.405.312	6.240.000.000
GAS	Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	57.000	5.265.058.152	5.557.500.000	57.000	5.153.983.831	4.936.200.000
VHM	Công ty Cổ phần Vinhomes	59.000	5.041.965.525	4.678.700.000	100.500	8.553.561.292	7.376.700.000
VIC	Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	69.093	4.166.923.804	7.994.060.100	94.093	5.674.646.657	8.967.062.900
SAB	Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	17.000	4.016.349.068	4.675.000.000	17.000	4.016.349.068	4.547.500.000
MWG	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động	35.000	2.955.411.080	3.248.000.000	30.000	2.518.117.785	2.610.000.000
MBB	Ngân hàng TMCP Quân đội	130.080	2.843.591.390	2.718.672.000	106.080	2.292.834.996	2.063.256.000
MSN	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	35.000	2.681.631.502	2.905.000.000	35.000	2.596.288.203	2.712.500.000
TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	82.000	2.604.980.666	1.668.700.000	105.000	3.335.645.975	2.714.250.000
CTG	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	112.000	2.516.485.665	2.184.000.000	39.000	900.305.745	752.700.000
FPT	Công ty Cổ phần FPT	56.000	2.490.537.749	2.548.000.000	42.000	2.081.285.698	1.772.400.000
PNJ	Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	33.333	2.408.390.395	2.433.309.000	10.000	1.028.573.770	932.000.000
POW	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	135.000	2.167.170.887	2.052.000.000	-	-	-
HVN	Tổng Công ty Cổ phần Hàng Không Việt Nam	48.000	2.053.927.706	2.016.000.000	-	-	-
REE	Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	60.000	2.027.599.569	1.905.000.000	54.000	1.783.479.458	1.663.200.000
VRE	Công ty Cổ phần Vincom Retail	59.000	1.922.504.568	1.994.200.000	42.950	1.397.215.446	1.198.305.000
KDH	Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Khang Điền	79.100	1.886.601.564	1.930.040.000	27.000	839.282.038	891.000.000
ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	58.000	1.880.080.064	1.676.200.000	58.000	1.880.080.064	1.716.800.000
NLG	Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long	64.006	1.877.600.853	1.862.574.600	6	189.608	154.800
NVL	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc Nova	28.006	1.656.995.624	1.669.157.600	28.006	1.690.556.136	1.797.985.200

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc

ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Mã	Cổ phiếu niêm yết	30/6/2019			31/12/2018		
		Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị thị trường VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị thị trường VND
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	69.000	1.552.377.578	1.576.650.000	-	-	-
VJC	Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	13.000	1.536.604.140	1.664.000.000	12.300	1.582.158.455	1.476.000.000
GMD	Công ty Cổ phần Gemadept	50.000	1.343.859.857	1.300.000.000	31.000	836.085.809	810.650.000
HPG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	52.300	1.306.188.767	1.229.050.000	63.000	2.050.600.717	1.949.850.000
PVD	Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	62.000	1.218.232.404	1.156.300.000	39.000	664.845.775	569.400.000
PDR	Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt	51.560	1.185.124.506	1.345.716.000	3.300	104.038.380	84.150.000
VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	54.004	1.177.553.806	1.020.675.600	74.004	1.613.652.541	1.476.379.800
NT2	Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	42.460	1.123.022.553	1.133.682.000	60.000	1.534.648.709	1.476.000.000
VHC	Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn	11.000	1.026.787.875	968.000.000	-	-	-
VSC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Container Việt Nam	25.400	895.704.290	778.510.000	35.000	1.368.356.604	1.419.250.000
KBC	Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc - CTCP	50.000	727.990.350	710.000.000	-	-	-
EIB	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	40.000	707.985.388	752.000.000	40.000	566.598.625	562.000.000
HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	19.000	508.010.875	522.500.000	15.000	462.216.286	454.500.000
ANV	Công ty Cổ phần Nam Việt	18.000	498.011.339	495.000.000	-	-	-
ITA	Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo	150.000	481.671.425	462.000.000	-	-	-
BMP	Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh	8.000	478.600.826	340.800.000	16.000	957.201.652	841.600.000
DRC	Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	20.000	461.647.695	368.000.000	39.000	945.554.447	838.500.000
PVS	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	20.000	459.438.125	460.000.000	-	-	-
DPM	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	23.000	456.776.858	348.450.000	55.000	1.092.292.485	1.226.500.000
HDG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô	11.250	375.223.743	375.187.500	13.000	484.475.625	448.500.000
STB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	28.000	350.762.845	317.800.000	88.000	1.102.730.049	1.051.600.000

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc

ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Mã	Cổ phiếu niêm yết	30/6/2019			31/12/2018		
		Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị thị trường VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị thị trường VND
PVT	Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	19.000	319.935.185	309.700.000	10.000	177.856.585	157.000.000
ASM	Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai	25.000	197.425.695	176.500.000	-	-	-
HTI	Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 1	12.000	192.588.450	192.000.000	30.000	454.681.000	409.500.000
VND	Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	7.000	114.446.411	107.800.000	-	-	-
CSM	Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam	6.000	92.626.968	86.100.000	-	-	-
DGC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang	750	24.103.928	21.375.000	-	-	-
PHR	Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa	6	320.871	367.200	20.006	537.284.346	669.200.700
CTD	Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons	-	-	-	8.000	1.206.049.546	1.280.000.000
DHG	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	-	-	-	5.000	519.108.405	395.000.000
DIG	Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	-	-	-	30.200	478.300.338	468.100.000
GTN	Công ty Cổ phần GTNFOODS	-	-	-	19.000	208.612.450	195.700.000
HNG	Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	-	-	-	56.000	940.583.763	896.000.000
PLX	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	-	-	-	27.000	1.798.351.698	1.431.000.000
SBT	Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	-	-	-	20.000	415.121.750	416.000.000
SSI	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	-	-	-	16.000	450.274.400	426.400.000
VCS	Công ty Cổ phần VICOSTONE	-	-	-	12.500	1.151.859.858	845.000.000
			82.705.611.935	87.929.276.600		80.863.000.374	81.050.794.400

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

22. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác

	30/6/2019	31/12/2018
	VND	VND
Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác trong nước là DLVN		
Phải thu cổ tức	37.600.000	181.709.000
Phải thu bán cổ phiếu	466.149.725	342.535.425
	503.749.725	524.244.425

23. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác

	30/6/2019	31/12/2018
	VND	VND
Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác trong nước là DLVN		
Phải trả cho Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam	5.824.839.525	6.528.595.550
Phải trả mua cổ phiếu	-	1.019.226.550
	5.824.839.525	7.547.822.100

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

24. Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh

Doanh thu thuần thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư của DI.VN	19.398.167.368	18.700.158.297
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ (i)	585.180.965	-
	19.983.348.333	18.700.158.297

- (i) Công ty hiện đang quản lý Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN (“Quỹ” hoặc “DFVN-CAF”) là quỹ đầu tư được thành lập tại Việt Nam. Thông tin chi tiết về quỹ này như sau:

Tên viết tắt	Hoạt động chính	Giấy Chứng nhận Đăng ký	Giá trị tài sản ròng tại ngày 30/6/2019 VND
DFVN-CAF	Quỹ đầu tư	Số 34/GCN-UBCK ngày 3 tháng 1 năm 2019	79.018.509.529

Theo điều lệ quỹ của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ được nhận phí quản lý để thực hiện dịch vụ Quản lý Quỹ DFVN-CAF. Phí quản lý Quỹ được tính là 1,5% trên Giá trị Tài sản ròng (“NAV”) của Quỹ trong một năm tài chính. Phí Quản lý Quỹ được tính tại các kỳ định giá dựa trên NAV trước phí tại ngày trước ngày định giá và được trả hàng tháng. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các ngày định giá thực hiện trong tháng.

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
Thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng	2.222.833.359	1.675.096.987
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	123.158	-
	2.222.956.517	1.675.096.987

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
Lương và các chi phí theo lương	8.393.250.201	7.052.703.893
Chi phí dịch vụ mua, thuê ngoài	2.371.847.424	1.725.104.720
Công cụ dụng cụ và văn phòng phẩm	1.371.973.827	1.285.151.480
Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	540.174.377	711.839.484
Chi phí công tác, vận chuyển	248.104.062	155.800.803
Trích lập quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	72.499.998	72.499.998
Thuế và phí khác	33.000.000	3.000.000
Chi phí khác	48.833.920	38.778.440
	<hr/>	<hr/>
	13.079.683.809	11.044.878.818

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

27. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Kỳ hiện hành	1.883.598.845	1.866.075.293
Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	139.164.428	-
	<hr/> 2.022.763.273	<hr/> 1.866.075.293

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	9.126.621.041	9.330.376.466
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	1.825.324.208	1.866.075.293
Chi phí không được khấu trừ thuế	95.939.065	-
Các khoản điều chỉnh khác	101.500.000	-
	<hr/> 2.022.763.273	<hr/> 1.866.075.293

(c) Thuế suất áp dụng

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2019 (tiếp theo)**

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

28. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

(a) Giao dịch phát sinh trong kỳ

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thức ngày 30/6/2019 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
<i>Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam ("DLVN") – Công ty mẹ</i>		
Phí quản lý danh mục đầu tư	19.398.167.368	18.700.158.297
Chi phí trả hộ Công ty	(10.213.890.250)	(9.595.174.242)
<i>Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN ("DFVN – CAP") – Quỹ do Công ty quản lý</i>		
Phí quản lý quỹ	585.180.965	-

(b) Số dư với các bên liên quan

Tại ngày báo cáo, số dư với các bên liên quan như sau:

	30/6/2019 VND	31/12/2018 VND
<i>Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam ("DLVN") – Công ty mẹ</i>		
Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư	5.824.839.525	6.528.595.550
<i>Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN ("DFVN – CAP") – Quỹ do Công ty quản lý</i>		
Phải thu phí quản lý quỹ	98.072.314	-

Chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Số dư tiền gửi, danh mục đầu tư, các khoản phải thu và phải trả của nhà đầu tư ủy thác là DLVN đã được trình bày lần lượt tại Thuyết minh 20, Thuyết minh 21, Thuyết minh 22 và Thuyết minh 23.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

29. Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản phải thu.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Thuyết minh	30/6/2019 VND	31/12/2018 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(ii)	1.280.868.915	122.272.140
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	(iii)	64.000.000.000	56.900.000.000
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	(iv)	5.922.911.839	6.528.595.550
Phải thu ngắn hạn khác	(iv)	2.826.299.453	4.689.564.474
Phải thu dài hạn khác	(iv)	255.000.000	606.500.000
		<hr/>	<hr/>
		74.285.080.207	68.846.932.164

(ii) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(iii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại tổ chức tài chính danh tiếng. Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi có kỳ hạn này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(iv) Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác

Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác chủ yếu bao gồm phải thu hoạt động quản lý quỹ, phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư, phải thu lãi tiền gửi và các khoản phải thu khác. Rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản phải thu hoạt động quản lý quỹ được xem là rất thấp do các khoản phải thu này là phải thu từ quỹ thuộc quản lý của Công ty. Rủi ro tín dụng liên quan đến các giao dịch chưa thanh toán được xem là rất thấp do các giao dịch này có thời gian thanh toán ngắn. Tổng Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Rủi ro tín dụng tối đa mà Công ty phải chịu bằng với giá trị ghi sổ của các khoản tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ và các khoản phải thu khác.

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ tài chính cố khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi tích tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Chi phí phải trả ngắn hạn	2.485.328.926	2.485.328.926	2.485.328.926	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	18.568.348	18.568.348	18.568.348	-	-
	2.503.897.274	2.503.897.274	2.503.897.274	-	-

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Phải trả người bán	647.766.842	647.766.842	647.766.842	-	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	4.018.016.064	4.018.016.064	4.018.016.064	-	-
Phải trả khác	197.249.382	197.249.382	197.249.382	-	-
	4.863.032.288	4.863.032.288	4.863.032.288	-	-

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2019 VND	31/12/2018 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tiền gửi ngân hàng	1.280.868.915	122.272.140
Dầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	64.000.000.000	56.900.000.000
	65.280.868.915	57.022.272.140

(ii) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính thay đổi do biến động tỷ giá hối đoái.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty không bị ảnh hưởng trọng yếu bởi rủi ro tỷ giá hối đoái do các tài sản và nợ phải trả của Công ty chủ yếu có gốc tiền tệ là Đồng Việt Nam cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(d) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý là giá trị được xác định phù hợp với giá thị trường, có thể nhận được khi bán một tài sản hoặc chuyển nhượng một khoản nợ phải trả tại thời điểm xác định giá trị.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ của chúng được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	30/6/2019		31/12/2018	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
<i>Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>				
▪ Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	64.000.000.000	64.000.000.000	56.900.000.000	56.900.000.000
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	1.280.868.915	1.280.868.915	122.272.140	122.272.140
▪ Phải thu hoạt động nghiệp vụ	5.922.911.839	5.922.911.839	6.528.595.550	6.528.595.550
▪ Phải thu ngắn hạn khác	2.826.299.453	2.826.299.453	4.689.564.474	4.689.564.474
▪ Phải thu dài hạn khác	255.000.000	255.000.000	606.500.000	606.500.000
Nợ phải trả tài chính				
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>				
▪ Chi phí phải trả ngắn hạn	(2.485.328.926)	(2.485.328.926)	(4.018.016.064)	(4.018.016.064)
▪ Phải trả người bán ngắn hạn	-	-	(647.766.842)	(647.766.842)
▪ Phải trả ngắn hạn khác	(18.568.348)	(18.568.348)	(197.249.382)	(197.249.382)

Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau trong việc ước tính giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền là số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính khác của Công ty xấp xỉ giá trị ghi sổ của chúng đo thời gian đáo hạn ngắn của các công cụ tài chính này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

30. Các yếu tố theo thời vụ hoặc chu kỳ

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty không chịu ảnh hưởng bởi yếu tố thời vụ hoặc chu kỳ ngoại trừ yếu tố sau:

(a) Tiền thưởng cho nhân viên

Công ty đang tạm thời trích trước tiền thưởng cho nhân viên cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 dựa trên kế hoạch tài chính năm 2019 của Công ty và khoản tiền thưởng này sẽ được tính toán chính xác vào thời điểm cuối kỳ kế toán năm.

(b) Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo các quy định hiện hành về thuế, thuế thu nhập doanh nghiệp được quyết toán tại thời điểm cuối năm. Chi phí thuế thu nhập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 được tính theo thuế suất 20% đối với thu nhập trước thuế của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

(c) Quỹ dự trữ bắt buộc

Công ty được yêu cầu trích lập quỹ dự trữ bắt buộc hàng năm theo quy định của Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài Chính ban hành nên Công ty sẽ trích lập các quỹ dự trữ bắt buộc này vào cuối kỳ kế toán năm.

31. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính giữa niên độ này, Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có các thay đổi trọng yếu trong ước tính kế toán của Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 so với ước tính kế toán được thực hiện khi lập báo cáo tài chính năm gần nhất hay báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ gần nhất.

